

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI
CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)
CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHIỆP THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN04814: THỰC TẬP GIÁO TRÌNH CHĂN NUÔI 2 (ANIMAL PRODUCTION
INTERNSHIP 2)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: **10 (Lý thuyết: 0 – Thực hành: 10 – Tự học: 30)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
+ Thực hành trong trang trại chăn nuôi: 150 tiết
- Tự học: 450 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Chăn nuôi chuyên khoa
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		Chuyên ngành 1		Chuyên ngành 2		Chuyên ngành 1		Chuyên ngành 2	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: Chăn nuôi gia cầm (CN03503) hoặc Chăn nuôi trâu bò (CN03502)
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu học phần:**

Sinh viên được thực hành thành thạo các quy trình kỹ thuật chăn nuôi cơ bản và nâng cao và quản lý trang trại tại trại gia cầm/trâu bò. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và trị một số bệnh thông thường. Học phần cũng giúp cho người học có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chủ động; củng cố kỹ năng làm việc nhóm và thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phúc lợi động vật.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CDR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CDR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CDR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng tổng quát	CDR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định của Bộ GD & ĐT
Kỹ năng chuyên ngành	CDR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CDR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CDR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CDR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CDR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT IPRM						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
CN04814	TTGT chăn nuôi 2			M	R	M	M	M
		CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
		8	9	10	11	12	13	14
		R	R		R	R		

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Đánh giá công tác giống, dinh dưỡng, và chăm sóc sức khỏe của gia cầm/trâu bò tại trang trại	CDR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
K2	Cải tiến một phần các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gia cầm/trâu bò đảm bảo môi trường và phúc lợi động vật	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng		
K3	Phát hiện các vấn đề trong thực tế trong chăn nuôi gia cầm/ trâu bò	CDR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
K4	Đánh giá quy trình chăn nuôi gia cầm / trâu bò thông qua thảo luận nhóm	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
K5	Hòa nhập với môi trường làm việc mới tại các công ty/trang trại khác nhau	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD & ĐT
K6	Tìm ra những thuận lợi/ khó khăn trong chăn nuôi gia cầm/ trâu bò dựa trên các thông tin về hoạt động của trại	CDR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
K7	Lựa chọn các quy trình chăn nuôi gia cầm/trâu bò phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển và vùng sinh thái	CDR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
K8	Thực hiện thành thạo các quy trình chăn nuôi gia cầm/trâu bò	CDR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K9	Tuân thủ quy định nội bộ của cơ sở thực tập nghề nghiệp và quy định của môn học	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt của học phần

CN04814. Thực tập giáo trình chăn nuôi 2 (Animal production internship 2). (10TC: 0 – 10 – 30). Học phần gồm các nội dung thực hành tại cơ sở như sau: Thông tin chung về đặc điểm của trang trại, công tác giống, quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm/trâu bò ở các giai đoạn, chuồng trại và vệ sinh thú y, tình hình tiêu thụ sản phẩm và hạch toán hiệu quả kinh tế trang trại, những thuận lợi, khó khăn và định hướng phát triển của trang trại.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Tổ chức tập huấn trực tiếp cho tất cả sinh viên trước khi đi tới cơ sở thực tập
- Phối hợp với cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở để hướng dẫn thực hành và giải đáp thắc mắc của từng sinh viên
- Cử giảng viên tới các trang trại để trực tiếp hướng dẫn, giải đáp và kiểm tra việc thực hành của sinh viên
- Thường xuyên liên lạc trao đổi với chủ cơ sở và với sinh viên để kịp thời giải đáp và hướng dẫn sinh viên

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên có được kiến thức thực tế thông qua khảo sát và thực hiện các công việc liên quan đến quy trình chăn nuôi, thức ăn, giống, quản lý dịch bệnh và kiểm soát an toàn sinh học tại các trang trại chăn nuôi gia cầm/trâu bò.
- Ngoài ra, sinh viên có thể học hỏi từ các kỹ thuật viên làm việc tại trang trại và thông qua thảo luận nhóm.
- Sinh viên viết báo cáo tổng kết và trình bày báo cáo theo nhóm trước hội đồng đánh giá của bộ môn
- Sinh viên thảo luận làm bài tập lớn theo nhóm và nộp cùng với báo cáo tổng kết

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên bắt buộc phải tham dự lớp tập huấn kỹ thuật trước khi đi cơ sở, không được vắng quá 1 buổi.
- Bài tập: Sinh viên phải làm tất cả các bài tập và tường trình thực tập nộp cho giáo viên phụ trách đúng thời hạn.
- Yêu cầu khác: Sinh viên phải chấp hành đầy đủ nội quy tại các cơ sở mà mình thực tập.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 50%
 - + Chuyên cần và thái độ tham dự: 10%
 - + Đánh giá kỹ năng: 40%
- Điểm cuối kì: 50%
 - + Báo cáo thực tập và thuyết trình: 50%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD của học phần	Trọng số (%)	Tuần học
Đánh giá quá trình		50	
Rubric 1. Chuyên cần và thái độ tham dự	K9	10	Tuần 14-18
Rubric 2. Đánh giá kỹ năng	K3, 4, 5, 6, 7, 8	40	
Đánh giá cuối kì		50	
Rubric 3. Báo cáo thực tập và thuyết trình	K1,2	50	Tuần 20

Rubric 1: Chuyên cần và thái độ tham dự

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Chuyên cần	50%	Tham gia đầy đủ tập huấn và thời gian thực tập.			Bỏ thực tập không lý do dù là 01 buổi.
Thái độ	50%	Tuân thủ đầy đủ các nội qui, qui định của cơ sở thực tập	Vi phạm nội qui, qui định tại cơ sở (nhắc nhở 01 lần)	Vi phạm nội qui, qui định tại cơ sở (nhắc nhở 02 lần)	- Không tham dự tập huấn. - Vi phạm nội qui, qui định tại cơ sở (nhắc nhở > 3 lần).

Rubric 2: . Đánh giá kỹ năng

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Kỹ năng làm việc nhóm	50%	- Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. - Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau khi thực hiện.	- Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. - Nhóm có phối hợp khi thực hiện công việc.	- Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. - Nhóm ít có sự phối hợp giữa các thành viên.	Không phân công, phối hợp công việc của các thành viên trong nhóm
Kỹ năng chuyên môn	50%	Thực hiện thành thạo và có ý kiến cải tiến các qui trình chăn nuôi tại cơ sở	Thực hiện thành thạo qui trình chăn nuôi tại cơ sở.	Thực hiện đúng qui trình chăn nuôi tại cơ sở.	Thực hiện không đầy đủ qui trình chăn nuôi tại cơ sở.

Rubric 3: Đánh giá báo cáo thực tập và thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung báo cáo	50%	Mô tả, phân tích đầy đủ 85-100% các nội dung yêu cầu	Mô tả, phân tích 70-85% các nội dung yêu cầu	Mô tả, phân tích 50-70% các nội dung yêu cầu	Mô tả, phân tích <50% các nội dung yêu cầu

Giao tiếp hiệu quả, trả lời câu hỏi	50%	- Thuyết trình tốt, rõ ràng, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, liền mạch - Trả lời tốt các câu hỏi	- Thuyết trình khá rõ ràng, còn dài dòng và chưa liền mạch - Trả lời còn chưa chính xác 2 câu hỏi	- Thuyết trình nhiều chỗ khó hiểu - Trả lời còn chưa chính xác 3 câu hỏi	- Thuyết trình lủng củng, rất khó theo dõi - Trả lời chưa chính xác > 3 câu hỏi
-------------------------------------	-----	--------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi tập huấn do bộ môn tổ chức và tham dự đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở: Tất cả sinh viên phải tham dự các buổi tập huấn do bộ môn tổ chức trước khi đi thực tập tại các cơ sở. Tại các cơ sở chăn nuôi, sinh viên phải thực hành một cách chủ động, tích cực (được thể hiện trong bản nhận xét của cơ sở).

Nộp báo cáo kết quả thực tập: Sinh viên phải nộp báo cáo kết quả thực tập theo đúng lịch do bộ môn thông báo. Tất cả các trường hợp nộp bài báo cáo muộn sẽ không được chấp nhận.

Tham dự và trình bày kết quả thực tập (thi kết thúc học phần): Sinh viên phải có mặt và trình bày kết quả thực tập trước tiêu ban đánh giá của bộ môn. Nếu sinh viên không tham dự buổi trình bày sẽ nhận điểm không và không được thi lại (trừ trường hợp có lý do chính đáng).

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên đến thực hành tại cơ sở phải chấp hành những nội quy, quy định của cơ sở, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với chủ cơ sở, cán bộ nhân viên và bạn bè tại cơ sở.

Ngôn ngữ: Sử dụng tiếng Việt và một số thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm, Lê Văn Ban (2006). Giáo trình Chăn nuôi trâu bò. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyễn Thị Mai, Bùi Hữu Đoàn, Hoàng Thanh (2009) Giáo trình chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Đinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú (2008). Giáo trình chăn nuôi dê và thỏ. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Xuân Trạch, Vũ Đình Tôn (2009). Giáo trình chăn nuôi chuyên khoa. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Đặng Vũ Bình, Phạm Thế Huệ, Ngô Kim Cúc (2018). Giáo trình chọn và nhân giống vật nuôi. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp.

* Tài liệu tham khảo khác:

- Nguyễn Xuân Trạch (2005). Chăn nuôi bò sinh sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Hội chăn nuôi Việt Nam (2002). Dinh dưỡng gia súc gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp
- Phùng Quốc Quảng, Nguyễn Xuân Trạch (2003). Thức ăn và nuôi dưỡng bò sữa. NXB Nông nghiệp- Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Trạch (2003). Khuyến nông chăn nuôi bò sữa. NXB Nông nghiệp- Hà Nội.
- Phạm Sỹ Lăng, Hoàng Văn Năm (2008). Một số bệnh quan trọng gây hại cho trâu bò. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

VIII. Kế hoạch giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD
14-15	Chương 1: Khảo sát đặc điểm chung về cơ sở chăn nuôi	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (10 tiết) 1.1 Các thông tin chung về trang trại 1.2 Các thông tin về cơ sở vật chất	
	Chương 2: Khảo sát về công tác giống gia cầm/trâu bò	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (30 tiết) 2.1 Cơ cấu các giống gia cầm/trâu bò đang nuôi tại trại 2.2 Đặc điểm và năng suất của từng giống, nhận xét về chất lượng giống tại cơ sở	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (60 tiết) 2.3. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành.	
15-16	Chương 3: Khảo sát quy trình chăn nuôi	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (50 tiết) 3.1 Khảo sát thức ăn và khẩu phần ăn của từng loại gia cầm/trâu bò tại cơ sở 3.2 Khảo sát quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng từng loại gia cầm/trâu bò, nhận xét ưu nhược điểm	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (120 tiết) 3.3. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành.	
16-17	Chương 4: Khảo sát chuồng trại	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (15 tiết) 4.1 Khảo sát kiểu chuồng, kết cấu chuồng gia cầm/trâu bò, khả năng quản lý tiểu khí hậu chuồng nuôi, nhận xét ưu nhược điểm 4.2 Khảo sát các thiết bị chăn nuôi trong chuồng (hệ thống máng ăn, máng uống, làm mát, sưởi, xử lý chất thải, ...). nhận xét ưu nhược điểm	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) 4.3. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành.	
17-18	Chương 5: Khảo sát quy trình vệ sinh thú y	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (15 tiết) 5.1 Quy trình quản lý an toàn sinh học tại trại (lịch -tiêm vắc-xin, tẩy uế, sát trùng chuồng trại, cách ly, phương thức quản lý chất thải,, ...). Nêu nhận xét ưu nhược điểm	

Tuần	Nội dung	KQHTMD
	5.2 Tình hình dịch bệnh tại trại (Các bệnh phổ biến trên đàn gia cầm/trâu bò, khả năng điều trị, xử lý gia súc bị bệnh hoặc chết,...) trong thời gian gần đây. Nêu đánh giá B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) 5.3. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành	
17-18	Chương 6: Tìm hiểu tình hình tiêu thụ sản phẩm	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (10 tiết) 6.1 Thực trạng tiêu thụ sản phẩm (kênh tiêu thụ, hợp đồng tiêu thụ, ...) 6.2 Thuận lợi, khó khăn tiêu thụ sản phẩm (Biến động giá cả, nhu cầu thị trường, hỗ trợ của nhà nước, ...)	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) 6.3. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành	
18	Chương 7: Hạch toán hiệu quả kinh tế chăn nuôi	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (10 tiết) 7.1 Hạch toán sơ bộ hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi gia cầm/trâu bò của trang trại: giá bán, chi phí, lợi nhuận hàng năm).	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) 7.2. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành	
18	Chương 8: Phân tích thuận lợi, khó khăn và phương hướng phát triển trang trại	K3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
	A/ Các nội dung thực hành chính tại cơ sở: (10 tiết) 8.1 Những thuận lợi, khó khăn về mặt kỹ thuật (giống, thức ăn, quy trình chăm sóc, thú y, ...)	
	8.2 Những thuận lợi, khó khăn về kinh tế - xã hội (nguồn vốn vay, hỗ trợ của nhà nước, thể chế chính sách địa phương) 8.3. Định hướng phát triển của cơ sở	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (20 tiết) 8.4. Sinh viên tìm kiếm tài liệu, trao đổi với cán bộ kỹ thuật tại cơ sở về những nội dung thực hành	
19-20	Báo cáo kết quả thực tập và thuyết trình	K1,2

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Bản báo cáo tổng kết thực tập: Sau mỗi bài và mỗi đợt thực tập mỗi sinh viên phải viết và nộp báo cáo thu hoạch để chấm điểm.
- Thảo luận và thuyết trình: Nhóm sinh viên được đánh giá một phần thông qua tham gia thảo luận xây dựng bài trong quá trình thực tập giáo trình và thuyết trình seminar.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phòng thuyết trình có đầy đủ máy chiếu projector chất lượng tốt, có màn chiếu, bảng viết phấn; có hệ thống loa và micro ổn định, chất lượng tốt; hệ thống dây ổ điện và phích cắm; đồ dùng, dụng cụ thực hành.

X. Các đợt cải tiến

Lần 1 (7/2018):

- Bổ sung bài tập thiết kế xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm;

Lần 2 (7/2019):

- Tăng thời gian đi thực tập giáo trình từ 3 lên 5 tuần.

Lần 3 (7/2020):

- Bổ sung nội dung khảo sát, đánh giá của sinh viên về tình hình, diễn biến chăn nuôi gia cầm/trâu bò của trang trại.

- Bổ sung nội dung đánh giá sự biến động đàn gia cầm/trâu bò, biến động giá cả thị trường chăn nuôi.

Lần 4 (7/2021):

- Tiêu chí lựa chọn trang trại: trang trại được lựa chọn áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, nằm trong khu vực an toàn sinh học, đảm bảo các tiêu chí về xử lý môi trường chăn nuôi.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Hiệp

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Hiệp

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Phạm Kim Đăng



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Hiệp	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0915.094.819
Email: tranhiiep@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Đình Tôn	Học hàm, học vị: GS.TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0913.033.177
Email: v_dton@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Hữu Hiếu	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0967.181.282
Email: lhhieu@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Hữu Đoàn	Học hàm, học vị: GVC, PGS, TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0975.229.668
Email: bhdoan@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: gửi email hoặc điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Anh Tuấn	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0989.119.184
Email: hatuan@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Xuân Trạch	Học hàm, học vị: GS, TS, GVC
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0904 148 104
Email: nxtrach@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Dương Huyền	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0946 281 183
Email: nguyen.hua@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bằng	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0969 598 337
Email: ngocbang311287@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0971444338
Email: ntphuongcnge@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0987 029 959
Email: ntxuan@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hán Quang Hạnh	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982 041 382
Email: hanquanghanh1304@gmail.com	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đào Thị Hiệp	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0943 116 228
Email: dthiep@vnua.edu.vn	Trang web: http://channuoi.vnua.edu.vn/vi/